

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2023

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Gia Phụng

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST- HNGĐ ngày 18/01/2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/04/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST - HNGĐ ngày 25/04/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Kim S, sinh năm 1963, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn ông Tạ Kim S trình bày: Ông và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2009 tại trụ sở UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau ở xã S từ năm 2009 đến năm 2012 sau đó chuyển về xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên quê của chị Nguyễn Thị L sinh sống. Đến năm 2018 chị L đi làm ăn xa, thời gian đầu chị L còn

liên lạc với ông nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên càng ngày càng ít liên lạc với nhau. Đến tháng 9/2022, chị L và ông S có thống nhất với nhau sẽ đến Tòa án để thống nhất thủ tục ly hôn nhưng do ông đi công tác xa nhà nên chưa làm thủ tục ly hôn được. Từ cuối tháng 9/2022 chị L tiếp tục đi làm nhưng chị L đi làm ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào ông không nắm được, chị L cũng không liên lạc về cho ông nên ông không nắm được địa chỉ cụ thể của chị L ở đâu. Nay tình cảm vợ chồng không còn ông xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông và chị Nguyễn Thị L có hai con chung là cháu Tạ Thanh T, sinh ngày 16/7/2010 và cháu Tạ Thùy D, sinh ngày 17/01/2017. Do hiện nay chị Nguyễn Thị L đi làm ăn xa không biết rõ chị L đang ở đâu nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được nuôi hai con chung và không đề nghị chị Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông.

Về tài sản chung; công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Ông Tạ Kim S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L không có mặt tại địa phương Tòa án đã thu thập chứng cứ và đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị L vẫn không đến Tòa án để làm việc nên không có quan điểm của mình tại tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Tạ Kim S được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Thanh T, sinh ngày 16/7/2010 và cháu Tạ Thùy D, sinh ngày 17/01/2017 cho ông Tạ Kim S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Chị Nguyễn Thị L không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng ông Tạ Kim S vì ông Tạ Kim S tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Tạ Kim S được miễn tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa ông Tạ Kim S và chị Nguyễn Thị L. Bị đơn là chị Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về trình tự tố tụng: Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định chị Nguyễn Thị L không có mặt tại địa phương mà việc niêm yết không đảm bảo cho chị Nguyễn Thị L nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nên căn cứ vào Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã làm thủ tục đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên toà nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Kim S và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/10/2009 tại trụ sở UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc là có thật. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau đặc biệt là khi chị L đi làm ăn xa nhà, vài năm mới về một lần, giữa hai vợ chồng đã không còn tiếng nói chung mà luôn xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn về kinh tế và những vấn đề khác trong cuộc sống, đỉnh điểm của mâu thuẫn là hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa, hai vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Đồng thời, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông S và chị L sinh sống xác định vợ chồng ông S, chị L phát sinh những mâu thuẫn, cãi vã, hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc. Hai vợ chồng ông S, chị L mỗi người sống một nơi. Kể từ khi phát sinh mâu thuẫn giữa ông S và chị L không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa ông S và chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Tạ Kim S đề nghị ly hôn với chị Nguyễn Thị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Tạ Kim S và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là cháu Tạ Thanh T, sinh ngày 16/7/2010 và cháu Tạ Thùy D, sinh ngày 17/01/2017. Do hiện

nay chị Nguyễn Thị L đi làm ăn xa không biết rõ chị L đang ở đâu nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi hai con chung. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị L không đến Tòa làm việc để thể hiện quan điểm của mình nên xét thấy nguyện vọng của ông Tạ Kim S là phù hợp cần chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông Tạ Kim S vì ông Tạ Kim S tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Ông Tạ Kim S không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặt khác, chị Nguyễn Thị L không đến Tòa án làm việc nên không thể hiện được quan điểm của mình về vấn đề này nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Tạ Kim S phải chịu theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Tạ Kim S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ông Tạ Kim S được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Tạ Kim S được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Thanh T, sinh ngày 16/7/2010 và cháu Tạ Thùy D, sinh ngày 17/01/2017 cho ông Tạ Kim S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Chị Nguyễn Thị L không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng ông Tạ Kim S vì ông Tạ Kim S tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Tạ Kim S được miễn tiền án phí theo quy định.

Hoàn trả lại cho ông Tạ Kim S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002371 ngày 18/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Tạ Kim S có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã S, h.L;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

